PHỤ LỤC

BẢNG TỶ LỆ TRẢ TIỀN BẢO HIỂM THƯƠNG TẬT

(Đính kèm và là một phần không tách rời của Quy tắc Bảo hiểm Chăm sóc sức khỏe toàn diện ban hành kèm theo Quyết định số 228.../QĐ–PVIBH ngày 27 tháng 02 năm 2018 của Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm PVI)

TỬ VONG 100%

THƯƠNG TẬT TOÀN BỘ

1. Mù hoặc mất hoàn toàn hai mắt 100%
2. Rối loạn tâm thần hoàn toàn không thể chữa được 100%
3. Hỏng toàn bộ chức năng nhai và nói 100%
4. Mất hoặc liệt hoàn toàn 2 tay (từ vai hoặc khuỷu xuống) hoặc 2 chân (từ háng hoặc đầu gối xuống) 100%
5. Mất cả 2 bàn tay hoặc 2 bàn chân, hoặc mất 1 cánh tay và 1 bàn chân, hoặc mất 1 cánh tay và 1 cẳng chân, hoặc 1 bàn tay và 1 cẳng chân, hoặc 1 bàn tay và 1 bàn chân 100%
6. Cắt toàn bộ 1 bên phổi và 1 phần phổi bên kia 100%
7. Mất hoàn toàn khả năng lao động mà không thể làm bất cứ việc gì (toàn bộ bị tê liệt, bị thương dẫn đến tình trạng nằm liệt giường hoặc dẫn đến tàn tật toàn bộ vĩnh viễn) 100%

THƯƠNG TẬT BỘ PHẬN

CHI TRÊN

8. Mất 1 cánh tay từ vai xuống (tháo khớp vai) 80%
9. Cắt cụt cánh tay từ dưới vai xuống 75%
10. Cắt cụt 1 cánh tay từ khuỷu xuống (tháo khớp khuỷu) 70%
11. Mất trọn 1 bàn tay hoặc cả 5 ngón tay 65%
12. Mất đồng thời cả 4 ngón tay (trừ ngón cái) 45%
13. Mất đồng thời cả ngón cái và ngón trỏ 40%
14. Mất 3 ngón 3 - 4 - 5 ..... 32%
15. Mất ngón cái và 2 ngón khác 37%
16. Mất ngón cái và 1 ngón khác 32%
17. Mất ngón trỏ và 2 ngón khác 37%
18. Mất ngón trỏ và 1 ngón giữa 32%
19. Mất trọn ngón cái và đốt bàn 27%
    - Mất trọn ngón cái 22%
    - Mất cả đốt ngoài 12%
    - Mất ½ đốt ngoài 8%
20. Mất ngón trỏ và đốt bàn 22%
    - Mất ngón trỏ 20%

- Mất 2 đốt 2 và 3 ..... 10%
- Mất đốt 3 ..... 9%

21. Mất trọn ngón giữa hoặc ngón nhẫn (cả đốt bàn) 20%
    - Mất trọn ngón giữa hoặc ngón nhẫn 17%
    - Mất 2 đốt 2 và 3 ..... 10%
    - Mất đốt 3 ..... 5%
22. Mất cả ngón út và đốt bàn 17%
    - Mất cả ngón út 12%
    - Mất 2 đốt 2 và 3 ..... 9%
    - Mất đốt 3 ..... 5%
23. Cứng khớp bả vai 30%
24. Cứng khớp khuỷu tay 30%
25. Cứng khớp cổ tay 30%

CHI DƯỚI

26. Mất 1 chân từ háng xuống (tháo khớp háng 1 đùi) 80%
27. Cắt cụt 1 đùi
    - 1/3 trên 75%
    - 1/3 giữa hoặc dưới 65%
28. Cắt cụt 1 chân từ gối xuống (tháo khớp gối) 65%
29. Tháo khớp cổ chân hoặc mất 1 bàn chân 60%
30. Mất xương sên 37%
31. Mất xương gót 40%
32. Mất đoạn xương chày, mác gây khớp giả cẳng chân 40%
33. Mất đoạn xương mác 25%
34. Mất mắt cá chân
    - Mắt cá ngoài 12%
    - Mắt cá trong 17%
35. Mất cả 5 ngón chân 50%
36. Mất 4 ngón cả ngón cái 42%
37. Mất 4 ngón trừ ngón cái 40%
38. Mất 3 ngón 3 - 4 - 5 ..... 27%
39. Mất 3 ngón 1 - 2 - 3 ..... 32%
40. Mất 1 ngón cái và ngón 2 ..... 22%
41. Mất 1 ngón cái 17%
42. Mất 1 ngón ngoài ngón cái 12%
43. Mất 1 đốt ngón cái 10%
44. Cứng khớp háng 50%
45. Cứng khớp gối 35%
46. Mất phần lớn xương bánh chè và giới hạn nhiều khả năng duỗi cẳng chân trên đùi 50%
47. Gãy chân can lệch hoặc mất xương làm ngắn chi

- ít nhất 5 cm 42%
- từ 3 cm đến dưới 5 cm 37%

48. Liệt hoàn toàn dây thần kinh hông khoeo ngoài 40%
49. Liệt hoàn toàn dây thần kinh hông khoeo trong 30%

CỘT SỐNG

50. Cắt bỏ cung sau của 1 đốt sống 35%
51. Cắt bỏ cung sau của 2 - 3 đốt sống trở lên 50%

SỌ NÃO

52. Khuyết xương sọ, chưa có biểu hiện thần kinh, tâm thần, đường kính dưới 6 cm 30%
53. Khuyết xương sọ, chưa có biểu hiện thần kinh, tâm thần, đường kính từ 6 đến 10 cm 50%
54. Khuyết xương sọ, chưa có biểu hiện thần kinh, tâm thần, đường kính trên 10 cm 60%
55. Rối loạn ngôn ngữ do ảnh hưởng của vết thương đại não:
    - nói ngọng , nói lắp, nói khó khăn ảnh hưởng đến giao tiếp 35%
    - không nói được (câm) do tổn hại vùng Broca 65%
    - mất khả năng giao dịch bằng chữ viết, mất nhận biết về ngôn ngữ do tổn hại vùng Werricke 60%

LỒNG NGỰC

56. Cắt bỏ 1 - 2 xương sườn 17%
57. Cắt bỏ 3 xương sườn (mỗi xương sườn cắt bỏ trên 03 xương sườn tăng thêm 5%) 25%
58. Cắt bỏ đoạn mỗi xương sườn (mỗi đoạn xương sườn cắt bỏ thêm tăng 3%) 8%
59. Cắt toàn bộ 1 bên phổi 75%
60. Cắt nhiều thùy phổi ở 2 bên, dung tích sống giảm trên 50% 70%
61. Cắt nhiều thùy phổi ở 1 bên 55%
62. Cắt 1 thùy phổi 40%

BỤNG

63. Cắt toàn bộ dạ dày 80%
64. Cắt đoạn dạ dày 55%
65. Cắt gần hết ruột non (còn lại dưới 1 m) 80%
66. Cắt đoạn ruột non 45%
67. Cắt toàn bộ đại tràng 80%
68. Cắt đoạn đại tràng 55%
69. Cắt bỏ gan phải đơn thuần 75%
70. Cắt bỏ gan trái đơn thuần 65%
71. Cắt ½ của một thùy gan 60%
72. Cắt 1/3 của một thùy gan 40%
73. Cắt dưới 1/3 của một thùy gan 30%

74. Cắt bỏ túi mật 50%
75. Cắt bỏ lá lách 45%
76. Cắt bỏ đuôi tụy, lách 65%

CƠ QUAN TIẾT NIỆU, SINH DỤC

77. Cắt bỏ 1 thận, thận còn lại bình thường 55%
78. Cắt bỏ 1 thận, thận còn lại bị tổn thương hoặc bệnh lý 75%
79. Cắt 1 phần thận trái hoặc phải 35%
80. Mất dương vật và 2 tinh hoàn ở người dưới 55 tuổi chưa con 75%
81. Mất dương vật và 2 tinh hoàn ở người dưới 55 tuổi đã có con rồi 60%
82. Mất dương vật và 2 tinh hoàn ở người từ 55 tuổi trở lên 40%
83. Cắt bỏ dạ con và buồng trứng 1 bên ở người dưới 45 tuổi chưa con 65%
84. Cắt bỏ dạ con và buồng trứng 1 bên ở người dưới 45 tuổi đã có con 35%
85. Cắt bỏ dạ con và buồng trứng 1 bên ở người từ 45 tuổi trở lên 27%
86. Cắt 1 bên vú ở nữ dưới 45 tuổi 25%
87. Cắt 2 bên vú ở nữ dưới 45 tuổi 50%
88. Cắt 1 bên vú ở nữ từ 45 tuổi trở lên 17%
89. Cắt 2 bên vú ở nữ từ 45 tuổi trở lên 35%
90. Cắt 1 phần bàng quang 30%

MẮT

91. Mất hoặc mù hoàn toàn 1 mắt, không lắp được mắt giả 60%
92. Mất hoặc mù hoàn toàn 1 mắt, lắp được mắt giả 55%
93. Một mắt thị lực còn đến 1/10 ..... 37%
94. Một mắt thị lực còn từ 2/10 đến 4/10 ..... 15%
95. Một mắt thị lực còn từ 5/10 đến 7/10 ..... 10%
96. Mất hoặc mù hoàn toàn 1 mắt nhưng trước khi xảy ra tai nạn này đã mất hoặc mù 1 mắt rồi 90%

TAI – MŨI – HỌNG

97. Điếc 2 tai hoàn toàn không phục hồi được 80%
98. Điếc 2 tai nặng (nói to hoặc thét vào tai còn nghe được) 65%
99. Điếc 2 tai vừa (nói to cách 1 - 2 m còn nghe được) 40%
100. Điếc 2 tai nhẹ (nói to cách từ trên 2 - 4 m còn nghe được) 20%
101. Điếc 1 tai hoàn toàn không phục hồi được 35%
102. Điếc 1 tai mức độ vừa 15%
103. Điếc 1 tai mức độ nhẹ 8%
104. Mất vành tai 2 bên 30%
105. Mất vành tai 1 bên 15%
106. Mất mũi hoàn toàn 40%
107. Biến dạng mũi 18%

MẶT

108. Mất toàn bộ xương hàm trên và một phần xương hàm dưới từ cành cao trở xuống khác bên 85%
109. Mất toàn bộ xương hàm trên và một phần xương hàm dưới từ cành cao trở xuống cùng bên 75%
110. Mất toàn bộ xương hàm trên hoặc dưới 75%
111. Mất 1 phần xương hàm trên hoặc 1 phần xương hàm dưới từ 1/3 đến 1/2 bị mất từ cành cao trở xuống 40%
112. Mất răng trên 8 cái không lắp được răng giả 35%
113. Mất từ 5 đến 7 răng 20%
114. Mất 3/4 lưỡi còn gốc lưỡi (từ đường gai V trở ra) 80%
115. Mất 2/3 lưỡi từ đầu lưỡi 55%
116. Mất 1/3 lưỡi ảnh hưởng đến phát âm 20%
117. Mất 1 phần nhỏ lưỡi (dưới 1/3) ảnh hưởng đến phát âm 10%

Việc trả tiền bảo hiểm theo bảng này sẽ căn cứ trên các chứng từ điều trị của khách hàng cung cấp và tuân theo những nguyên tắc sau đây:

- Mất hẳn chức năng của từng bộ phận hoặc hỏng vĩnh viễn chi được coi như mất từng bộ phận đó hoặc mất chi.
- Trường hợp có nhiều thương tật, tiền bảo hiểm được trả cho từng thương tật tương ứng nhưng tổng số tiền trả cho Người được bảo hiểm không vượt quá số tiền bảo hiểm. Trường hợp có nhiều thương tật ở cùng cùng một chi, tổng số tiền trả cho các thương tật không được vượt quá tỷ lệ mất chi đó.